

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29/4/2020
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Tuấn Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Hạnh
Ông Đinh Quang Mạnh

Thư ký phiên toà: Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị L Sinh năm 1991

Bị đơn: Anh Nguyễn Thái S Sinh năm 1991

Cùng trú tại: Xóm Đ, xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt,
anh Sơn đã được triệu tập hợp lệ lần hai, vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mai Thị L trình bày:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ vào ngày 08/11/2012. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn do anh S không chịu lao động mà lại hay chơi bời. Chị đã khuyên bảo anh S nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi. Hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, chị đề nghị được ly hôn anh Sơn để ổn định cuộc sống.

1.2. Về con chung: Chị L xác định vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị L xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm trong quá trình làm việc tại Tòa án.

2. Do anh S không đến Tòa án, khi Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương và gia đình để tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Pháp luật và yêu cầu anh S làm bản tự khai, tham gia phiên hòa giải để trình bày quan điểm về việc chị L xin ly hôn nhưng anh S không hợp tác.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của người thân trong gia đình anh S, xác định được anh S vẫn nhận được giấy báo của Tòa án, Ủy ban nhân dân xã L xác định đã giao giấy báo của Tòa án cho gia đình anh S, gia đình anh S cam kết sẽ báo cho anh S biết nhưng anh S không đến Tòa án làm việc.

3. Tại biên bản xác minh ngày 20/02/2020 với đại diện: UBND, Cán bộ tư pháp, Trưởng khu Đ, xã L, huyện YL, bố đẻ anh S là ông Nguyễn Khắc S đã cung cấp: Các văn bản tố tụng của Tòa án địa phương đều nhận được và tổng đạt cho gia đình anh S và cam kết báo lại cho anh S. Hiện nay anh S vẫn có hộ khẩu tại địa phương nhưng do anh S đi làm ăn xa nhà thỉnh thoảng mới về gia đình. Mâu thuẫn giữa anh S và chị L do vợ chồng đi làm ăn xa, đến năm 2019 thì hai vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Anh S có quan điểm trao đổi với gia đình là nhất trí ly hôn nhưng không đến Tòa án giải quyết. Gia đình anh S đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án. Bị đơn anh S không đến Tòa án và không hợp tác để Tòa án giải quyết vụ án cũng như không có mặt tại phiên tòa hôm nay là do anh S tự khước từ quyền lợi và đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Đề xuất hướng xử lý giải quyết vụ án: Chị L và anh S cưới có đăng ký kết hôn, là vợ chồng từ năm 2012. Trong quá trình chung sống hai bên hòa thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể kéo dài. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh S. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét do chị L và anh S không có con chung. Đối với quan hệ về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về án phí ly hôn, chị L là nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Mai Thị L có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị xin ly hôn với anh Nguyễn

Thái S. Căn cứ khoản 1, Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh S. Tại phiên tòa hôm nay chị Liên vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh S vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo điểm b khoản 2 Điều 227, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Ngày 08/11/2012, chị Mai Thị L và anh Nguyễn Thái S đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng vài năm sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không hợp nhau, vì cuộc sống kinh tế nên phải đi làm, sống xa nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau. Đến năm 2019 thì cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Từ đó cần xác định rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị L xuất phát từ cả 2 phía, đến nay không thể tiếp tục chung sống được nữa. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh S và chị L là đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh S là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Chị L xác định vợ chồng không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp*: Tại đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị L xác định không có và không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh S vắng mặt không có quan điểm đề nghị, nếu sau này đương sự có yêu cầu thì xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật

[5] *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56,57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: [1] *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Mai Thị L được ly hôn anh Nguyễn Thái S.

[2] *Về con chung*: Không có.

[3] *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp*: Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] *Án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị Mai Thị L phải chịu 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị L đã nộp 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AA/2018/0001239 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Nay được chuyển thành án phí.

Các bên đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết nơi đương sự cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ (vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP (08b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn Anh